

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2020/ HNGĐ-ST
Ngày: 28 tháng 7 năm 2020
V/v “Yêu cầu ly hôn, tranh chấp
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đỉnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Mỹ

2. Bà Nguyễn Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Nam - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 09/2020/TLST-HNGĐ ngày 12/02/2020 về việc “Yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/6/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Kim Sâm N; Địa chỉ nơi cư trú: Ấp B, xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang; Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Rah Lan N; Địa chỉ nơi cư trú: Làng N, xã P, huyện G, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn Kim Sâm N trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Kim Sâm N và chị Rah Lan N có tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh, số 203/2011, quyển số II/2011, ngày 03/11/2011. Trong quá trình chung sống với nhau vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên chửi bới, xúc phạm lẫn nhau và có vài lần đánh nhau. Anh Kim Sâm N và chị Rah Lan N sống ly thân từ tháng 3/2016 cho đến nay và không có bất cứ liên lạc gì, hiện nay mỗi người đều có cuộc sống riêng của mình. Từ thời điểm sống ly thân thì gia đình hai bên có nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Hiện nay anh Kim Sâm N không còn tình cảm với chị Rah Lan N nên yêu cầu ly hôn với chị Rah Lan N.

- Về con chung: Anh Kim Sâm N và chị Rah Lan N có 02 con chung tên là Kim Hiếu M, sinh ngày 16/5/2013 và Kim Linh Đ, sinh ngày 07/12/2011. Anh Kim Sâm N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kim Hiếu M và giao cháu Kim Linh Đ cho chị Rah Lan N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Kim Sâm N và chị Rah Lan N không

ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về chia tài sản chung: Anh Kim Sâm N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn RahLan N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Rah Lan N và anh Kim Sâm N có tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Hưng, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, số 203/2011, quyển số II/2011, ngày 03/11/2011. Trong quá trình chung sống với nhau vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên chửi bới, xúc phạm lẫn nhau và có 02 lần anh Kim Sâm N đánh chị Rah Lan N. Chị Rah Lan N và anh Kim Sâm N sống ly thân từ tháng 3/2016 cho đến nay và không có bất cứ liên lạc gì, hiện nay mỗi người đều có cuộc sống riêng của mình. Từ thời điểm sống ly thân thì gia đình hai bên có nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Hiện nay chị Rah Lan N không còn tình cảm với anh Kim Sâm N nên đồng ý ly hôn với anh Kim Sâm N.

- Về con chung: Chị Rah Lan N và anh Kim Sâm N có 02 con chung tên là Kim Hiếu M, sinh ngày 16/5/2013 và Kim Linh Đ, sinh ngày 07/12/2011. Chị Rah Lan N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kim Linh Đ và giao cháu Kim Hiếu M cho anh Kim Sâm N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Kim Sâm N và chị Rah Lan N không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về chia tài sản chung: Chị Rah Lan N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập các tài liệu, chứng cứ gồm: 01 Giấy xác nhận nhân thân của anh Kim Sâm N; 01 bản sao Giấy chứng M nhân dân của chị Rah Lan N; 01 bản sao Sổ hộ khẩu của anh Kim Sâm Nam và chị Rah Lan N; 01 bản sao Giấy chứng nhận kết hôn của anh Kim Sâm Nam và chị Rah Lan N; 02 bản sao Giấy khai sinh của Kim Linh Đ và Kim Hiếu M; 02 bản gốc Bản tự khai; 02 biên bản lấy lời khai; 02 đơn xin giải quyết vắng mặt; 01 Biên bản xác M.

4. Phát biểu ý kiến, đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Đối với nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về hôn nhân: Anh Kim Sâm N và chị Rah Lan N có đăng ký kết hôn ngày 03/11/2011 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Anh Kim Sâm N và

chị Rah Lan N kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử thấy rằng, trong thời gian sống chung anh Kim Sâm N và chị Rah Lan N không hạnh phúc do thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên chửi bới, xúc phạm lẫn nhau và có vài lần đánh nhau. Anh Kim Sâm N và chị Rah Lan N sống ly thân từ tháng 3/2016 cho đến nay và không có bất cứ liên lạc gì, hiện nay mỗi người đều có cuộc sống riêng của mình, vợ chồng không còn tình cảm, không còn ai quan tâm đến nhau. Từ thời điểm sống ly thân thì gia đình hai bên có nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Như vậy, có đủ căn cứ để khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Kim Sâm N và chị Rah Lan N đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Kim Sâm N.

[3] Về con chung: Anh Kim Sâm N và chị Rah Lan N có 02 con chung tên là Kim Hiếu M, sinh ngày 16/5/2013 và Kim Linh Đ, sinh ngày 07/12/2011. Anh Kim Sâm N và chị Rah Lan N đều thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu Kim Hiếu M cho anh Kim Sâm N và giao cháu Kim Linh Đ cho chị Rah Lan N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Anh Kim Sâm N và chị Rah Lan N không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sự thỏa thuận của anh Kim Sâm N và chị Rah Lan N việc nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của con nên Hội đồng xét xử công nhận.

[4] Về chia tài sản chung: Anh Kim Sâm N và chị Rah Lan N đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Kim Sâm N là người khởi kiện nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 144, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa anh Kim Sâm N và chị Rah Lan N.

2. Về con chung:

Giao con chung của anh Kim Sâm N và chị Rah Lan N là cháu Kim Hiếu M, sinh ngày 16/5/2013 cho anh Kim Sâm N và giao cháu và Kim Linh Đ, sinh ngày 07/12/2011 cho chị Rah Lan N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và

không có tài sản để tự nuôi mình. Anh Kim Sâm N và chị Rah Lan N không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về án phí: Buộc anh Kim Sâm N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0005884 ngày 04/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai. Anh Kim Sâm N đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án đề yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- UBND xã P;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Lê Văn Đính